

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày 22/ 9/ 2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Cường

2. Ông Nguyễn Xuân Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 155/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 153/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường S – chức vụ: Nhân viên; Địa chỉ: Ô số 01+02, lô BT-01, khu đô thị Hòn Cặp Bè, phường B1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 1202/UQ-QLN.21 ngày 15/7/2021).

Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Phòng 602 chung cư Hạ Long DC, tổ 10, khu 3, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Trường S trình bày:

Ngày 25/6/2010, giữa Ngân hàng TMCP A và bà Lê Thị H1 đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng bà Lê Thị H1 ký ngày 25/6/2010; bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A; Các văn bản khác của bà Lê Thị H ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hợp đồng nêu trên quy định nội dung cơ bản sau:

+ Số thẻ: 4791392550000208

+ Loại thẻ: Visa Vàng (thẻ tín dụng quốc tế)

+ Ngày cấp: 03/7/2010

+ Hạn mức thẻ: 70.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn)

+ Mục đích: tiêu dùng.

+ Hiệu lực thẻ: Bà Lê Thị H1 được cấp thẻ theo Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 25/6/2010, hiệu lực thẻ 03 năm kể từ ngày cấp (Hiệu lực thẻ: Tháng 07/2013). Sau khi hết thời hạn sử dụng, Ngân hàng TMCP A xem xét tái cấp HMTD cho chủ thẻ hàng năm (theo điểm 3.5 Điều 3 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A). Trong trường hợp này, thẻ của bà H1 được tự động gia hạn đến tháng 7/2019. Tại thư yêu cầu dành cho chủ thẻ Ngân hàng TMCP A ngày 12/8/2016 xác nhận thẻ tín dụng có hiệu lực đến Tháng 07/2019).

+ Lãi suất trong hạn, lãi quá hạn: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Lãi suất khoản thẻ: 29%/năm; Lãi quá hạn: $29\% \times 150\% = 43.5\%/năm$. Thời điểm cuối cùng khách hàng thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A là ngày 13/7/2017. Theo quy định thẻ trễ 04 kỳ liên tiếp sẽ chuyển nợ quá hạn, bắt đầu tính lãi quá hạn, bà H1 trễ kỳ thanh toán liên tiếp từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2017. Thời điểm chuyển nợ quá hạn khoản thẻ của bà H1 là thời điểm tính lãi quá hạn (ngày 10/11/2017).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, số tiền bà H1 đã chi tiêu trong kỳ là 444.966.526 đồng, trong đó bà H1 thực hiện các giao dịch phát sinh với tổng số tiền là 318.202.232 đồng, phí lãi 123.764.294 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 10/11/2017 bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 365.743.232 đồng. Tính đến ngày 10/11/2017, bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền 76.223.294 đồng. Đến hạn thanh toán, bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng TMCP A.

Mặc dù Ngân hàng TMCP A đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H1, yêu cầu bà H1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H1 trả nợ, tuy nhiên bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng TMCP A, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 10/11/2017, Ngân hàng TMCP A đã chuyển khoản nợ thẻ của bà H1 sang nợ quá hạn, bắt đầu áp dụng lãi suất quá hạn và đồng thời ngày 27/7/2020, Ngân hàng TMCP A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ còn lại chưa thanh toán của bà Lê Thị H1.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Bà Lê Thị H1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng dư nợ còn thiếu tính đến 15/9/2020 là 170.764.020 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm hai mươi đồng), trong đó vốn gốc 76.223.294 đồng, lãi quá hạn 94.540.726 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2020 với lãi suất quá hạn được quy định trong Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn - Bà Lê Thị H1 tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng có ĐKKHKT tại tổ 70, khu phố 5, phường B1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Theo xác minh tại công an phường B1, thành phố H thì được cung cấp như sau: Trước đây, bà Lê Thị H1 cùng chồng là Lê Duy V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 70, khu 5, phường B1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay, ông Lê Duy V đã tách ra hộ riêng tại tổ 70, khu 5, phường B1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh còn bà Lê Thị H1 đã chuyển khẩu đi nơi khác, hiện không còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B1.

Tại biên bản xác minh Công an thành phố Hạ Long cho biết: Ngày 06/9/2016, bà Lê Thị H1 đã chuyển địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú từ tổ 70, khu phố 5, phường B1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đăng ký hộ khẩu thường trú mới tại Phòng 602 chung cư Hạ Long DC, tổ 10, khu 3, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Hiện bà H1 chưa chuyển khẩu đi nơi khác.

Bà Lê Thị H1 không có mặt tại nơi cư trú cuối cùng ở Phòng 602 chung cư Hạ Long DC, tổ 10, khu 3, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh từ tháng 10/2017 đến nay, không thông báo cho Ngân hàng TMCP A. Ngân hàng TMCP A đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự “V/v: Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hạ Long và đến ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hạ Long đã ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 08/2021/QĐ-TA trên cơ sở Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2021/QĐST-VDS ngày 29/4/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết các

thông báo, quyết định của Tòa án hợp lệ nhưng không nhận được thông tin phản hồi nào của bà H1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 22/9/2021 là 204.557.043 đồng, trong đó: Nợ gốc là 76.223.294 đồng, nợ lãi quá hạn là 128.333.749 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2021 với lãi suất quá hạn được quy định trong Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Buộc bà Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 22/9/2021 là 204.557.043 đồng, trong đó: Nợ gốc là 76.223.294 đồng, nợ lãi quá hạn là 128.333.749 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2021 với lãi suất quá hạn được quy định trong Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do khi làm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 25/6/2010 chỉ một mình bà H1 ký, ngân hàng cũng chỉ cấp cho bà H1 một thẻ tín dụng, ngoài ra Ngân hàng không cấp thêm thẻ phụ nào khác do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ, ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu thêm ai khác phải trả nợ cùng bà H1 là phù hợp với các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật về quyền quyết

định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Lê Thị H1 không có mặt tại nơi cư trú cuối cùng: Phòng 602 chung cư Hạ Long DC, tổ 10, khu 3, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tiến hành Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Lê Thị H1, tuy nhiên đến thời điểm này bà Lê Thị H1 không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu và làm gì. Do đó, căn cứ vào quy định tại điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về áp dụng pháp luật:

[3] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”

Do “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng” và “Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A” được Ngân hàng TMCP A phê duyệt ngày 25/6/2010 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

- Về hiệu lực của hợp đồng đã giao kết giữa các bên:

[4]. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, các tài liệu do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 25/6/2010 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A và bà Lê Thị H1 trên cơ sở tự nguyện, là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định của các Điều 121, 122, 124, 389, 471 Bộ luật Dân sự 2005 và phù hợp với các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng 2010. Như vậy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên.

- Về yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ của bị đơn:

[5] Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, số tiền bà H1 đã chi tiêu trong kỳ là 444.966.526 đồng, trong đó bà H1 thực hiện các giao dịch phát sinh với tổng số tiền là 318.202.232 đồng, phí lãi 123.764.294 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 10/11/2017 bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 365.743.232

đồng. Tính đến ngày 10/11/2017, bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền 76.223.294 đồng.

Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như nêu trên, nên việc Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà H1 phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/9/2021 là 204.557.043 đồng, trong đó nợ vốn gốc 76.223.294 đồng, lãi: 128.333.749 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 23/9/2021 với lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 281, 290, 474 Bộ luật Dân sự 2005 nên cần phải được chấp nhận.

Đối với số tiền nợ gốc 76.223.294 đồng vượt hạn mức thẻ (hạn mức thẻ là 70.000.000 đồng), trong quá trình sử dụng thẻ còn phát sinh lãi trong kỳ và các loại phí theo quy định tại Điều 5 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Số tiền phát sinh trên hạn mức tín dụng là số tiền phí, phạt phát sinh trong 04 kỳ cuối mà bà H1 không thanh toán. Số tiền cuối cùng tính đến trước thời điểm chuyển nợ quá hạn là số tiền tính lãi. Do vậy, Ngân hàng TMCP A yêu cầu số tiền nợ gốc 76.223.294 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

- [6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 280, 281, 290, 389, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc bà Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày 22/9/2021 là 204.557.043 đồng (Hai trăm linh bốn triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 76.223.294 đồng, nợ lãi là 128.333.749 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 4.269.100 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm đồng) Ngân hàng TMCP A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003095 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bà Lê Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.228.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi tám nghìn).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cúc